Ký bởi: Sở Tài chính
Email: vanthu_sotc@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Ngày ký: 24-12-2021 14:24:13 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 8232 /STC-QLNS
V/v hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể;
- UBND các Quận, Huyện, Thị xã;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 về hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước; Công văn số 6565/KBNN-KTNN ngày 15/12/2021 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2021 trên TABMIS;

Sau khi thống nhất ý kiến với KBNN Hà Nội, Sở Tài chính hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước như sau:

I. Công tác xử lý ngân sách nhà nước cuối năm và quyết toán ngân sách hàng năm:

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện theo mục I và II tại Hướng dẫn số 8652/LN:STC-KBHN ngày 28/12/2017 và mục I Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm, lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Đối với biểu mẫu quyết toán ngân sách địa phương trình HĐND cấp huyện, cấp xã: Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

- Về files dữ liệu quyết toán: Căn cứ Điều 30 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã khi gửi báo cáo quyết toán NSNN năm 2017 về Sở Tài chính, gửi kèm files dữ liệu điện tử theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính số: 343/2016/TT-BTC, 344/2016/TT-BTC, 137/2017/TT-BTC và báo cáo thu chi ngân sách chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước theo Công văn số 9763/BTC-NSNN ngày 25/11/2011 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định (*Files dữ liệu điện tử định dạng excel gửi về email: pthtk_sotc@hanoi.gov.vn và tonghopqlns@gmail.com).*

Ngoài ra, đối với quyết toán ngân sách quận, thị xã, các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản số 1776/UBND-KT ngày 07/6/2021 của UBND Thành phố về việc triển khai một số nội dung về tài chính – ngân sách khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

II. Công tác xử lý ngân sách cuối năm 2021 và chuyển nguồn ngân sách sang năm 2021:

Ngoài các nội dung hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và quyết toán ngân sách nêu trên; công tác xử lý ngân sách cuối năm 2021 cần lưu ý triển khai thực hiện như sau:

1. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách

Năm 2021 thời hạn chi, tạm ứng ngân sách và đề nghị cam kết chi được thực hiện như sau:

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn ứng trước và cam kết chi từ nguồn vốn ứng trước năm 2021 và các khoản chi năm trước chuyển sang năm 2021) đối với các nhiệm vụ được giao trong dự toán NSNN hằng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31/12/2021. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách, đề nghị cam kết chi đến KBNN nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30/12/2021. Không thực hiện tạm ứng ngân sách năm 2021 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) trong thời gian chỉnh lý quyết toán (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31/01/2022). Đối với trường hợp cấp phát bằng lệnh chi tiền, các đơn vị gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính chậm nhất đến hết giờ làm việc ngày 29/12/2021.

b) Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng công việc đã thực hiện từ ngày 31/12/2021 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01/2022 và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2021. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng), đề nghị cam kết chi theo chế độ quy định đến KBNN nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25/01/2022.

c) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi hồ sơ đến KBNN nơi giao dịch để xác nhận hạch toán chậm nhất trước ngày 01/02/2022. Thời hạn hạch toán đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, theo đó KBNN nơi giao dịch hoàn thành hạch toán các khoản chi từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi trong niên độ 2021 thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày 31/01/2022.

Đối với số tiền đã giải ngân từ nguồn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho dự án nhưng chưa hạch toán ghi thu ghi chi còn lại từ năm 2020 trở về trước, KBNN nơi giao dịch thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi theo đề nghị của chủ đầu tư trong phạm vi kế hoạch vốn giao năm 2021 trong vòng 30 ngày kể từ ngày 31/01/2022.

Các khoản chi thuộc kế hoạch năm đã được KBNN kiểm soát và chuyển tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ hàng hóa trước ngày 31/01/2022, KBNN hạch toán ghi thu, ghi chi vào niên độ năm 2021; các khoản chi đã được KBNN kiểm soát chi, chứng từ chuyển tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp sau ngày 31/01/2022, chủ dự án bố trí kế hoạch năm 2022 để hạch toán ghi thu, ghi chi theo quy định tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

2. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ kế toán 2021:

2.1. Đối với cơ quan tài chính

a) Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm CQTC nhập vào TABMIS, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; dự toán tạm ứng; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang). Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra, rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 1, 2, 3) thuộc ngân sách trung ương, tỉnh, huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có) để xử lý theo quy định.

b) Kiểm tra, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đồng cấp về số liệu chi ngân sách nhà nước bằng Lệnh chi tiền (bao gồm chi bằng Lệnh chi tiền theo dự toán được sử dụng trong năm, tạm ứng, ứng trước được cấp có thẩm quyền giao).

c) Kiểm tra, đối chiếu với KBNN đồng cấp đối với dự toán chi chuyển giao chi tiết số đã giao, số đã rút dự toán, số dư dự toán còn lại, bao gồm:

- Dự toán chi chuyển giao trong năm.

- Dự toán chi chuyển giao thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản, ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (nếu có).

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam giao trong năm (nếu có).

- Dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giao cho địa phương thực hiện (nếu có).

- Dự toán chi chuyển giao ứng trước.

d) Phối hợp với KBNN:

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán đối với ngân sách xã, trong trường hợp CQTC tổ chức nhập dự toán;

- Kiểm tra, đối chiếu về số dư nợ vay của ngân sách địa phương, xử lý kịp thời những chênh lệch (nếu có);

- Điều chỉnh, hủy bỏ doanh số, số dư các tài khoản dự toán có phát sinh số dư thực trên hệ thống TABMIS.

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan (cơ quan, đơn vị ra văn bản, KBNN đồng cấp) xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

e) Phối hợp với các đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN đồng cấp để xác định số dư tài khoản tiền gửi không sử dụng tiếp phải nộp lại NSNN theo mục lục NSNN. Đôn đốc đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục NSNN đến KBNN nơi giao dịch trước ngày 10/02/2022 để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

f) Kiểm tra, đối chiếu với KBNN đồng cấp về số liệu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, số tạm ứng quỹ dự trữ tài chính; tính toán chính xác số phải thu, số đã thu và số còn phải thu về chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của NSNN; xử lý kịp thời các khoản tạm vay (tạm ứng để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ NSNN,...), các khoản tạm ứng ngoài dự toán được cấp có thẩm quyền giao (không được phép phát sinh dự toán tính chất nguồn kinh phí 27 – Dự toán tạm ứng).

g) Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán niên độ năm 2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016).

2.2. Đối với các đơn vị KBNN

a) Các đơn vị KBNN thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu 12 tháng (từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021), các nội dung công việc thực hiện tương tự các công việc theo hướng dẫn tại Công văn số 6242/KBNN-KTNN ngày 29/11/2021 của KBNN về việc rà soát số liệu 11 tháng năm 2021.

Trong đó, số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA với các chủ dự án được thực hiện đối chiếu như việc đối chiếu dự toán kinh phí và tình hình sử dụng kinh phí

ngân sách tại KBNN theo đúng quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN, Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN, Quyết định số 3519/QĐ-KBNN ngày 30/6/2020 của Tổng Giám đốc KBNN ban hành quy trình xử lý, luân chuyển hồ sơ, chứng từ các khoản chi ngân sách nhà nước tại KBNN cấp tỉnh và Quyết định số 2899/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc KBNN về việc ban hành Quy trình nghiệp vụ thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước tại KBNN huyện không tổ chức phòng (theo Mẫu Biểu số 01/ODA *"Bảng đối chiếu số liệu KSC, ghi thu ghi chi nguồn ODA"* theo quy trình Kiểm soát chi, ghi thu ghi chi nguồn ODA trong hệ thống KBNN theo Quyết định số 2906/QĐ-KBNN ngày 15/06/2018 của KBNN).

Sau khi khoá sổ kế toán tháng 12/2021 và tháng 01/2022, các đơn vị KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán ngân sách niên độ 2021, đảm bảo khớp đúng giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp, số liệu của các báo cáo theo quy định.

b) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán (từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/01/2022), thực hiện:

- Hạch toán các khoản thu, chi NSNN phát sinh từ ngày 31/12/2021 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển;

- Hạch toán tạm ứng đối với vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chế độ quy định;

- Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán; các khoản thanh toán cho công việc, khối lượng đã được thực hiện từ ngày 31/12/2021 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách.

- Đối chiếu và điều chỉnh những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán.

c) Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang của các phân hệ trên hệ thống TABMIS, xử lý hết số dư dự toán của các tài khoản dự toán phân bổ các cấp trung gian (cấp 1,2,3), đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán).

d) KBNN Hà Nội và KBNN các quận, huyện, thị xã chủ động báo cáo tiến độ thu NSNN (số thực thu vào NSNN qua KBNN), chi của ngân sách địa phương cho UBND Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã để nắm bắt kịp thời tiến độ các khoản thu đã nộp vào NSNN, chi ngân sách địa phương phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ tài chính, ngân sách trên địa bàn.

3. Chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2021 sang năm 2022:

3.1. Các khoản kinh phí được chuyển nguồn:

Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp, hết thời gian chỉnh lý

quyết toán (ngày 31/01/2022) chưa thực hiện hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm 2022 tiếp tục sử dụng, gồm:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định, cụ thể:

- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm (bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài) theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN; Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021 đến ngày 31/01/2022, trừ trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31/12/2022 theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Trường hợp bất khả kháng, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Trường hợp bất khả kháng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nhưng không giải ngân trước ngày 31/01/2022, thực hiện theo quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tại khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư công được quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Chậm nhất đến hết ngày thứ 30 kể từ ngày 31/01/2022, các đơn vị KBNN hoàn thành việc đối chiếu số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA với chủ đầu tư theo Mẫu biểu số 01/ODA kèm theo Quyết định số 2906/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc KBNN về việc ban hành Quy trình kiểm soát chi, ghi thu ghi chi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong hệ thống KBNN.

- Đối với vốn tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán. Hết thời hạn chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại (sau khi trừ đi số nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có) của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước) được chuyển sang ngân sách năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành, Cơ quan tài chính không phải làm thủ tục xét chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Về quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép: chủ đầu tư làm thủ tục đối chiếu với KBNN nơi giao dịch về số dư dự toán, trên cơ sở

số liệu đối chiếu khớp đúng, đơn vị KBNN nơi chủ đầu tư mở tài khoản thực hiện chuyển số vốn còn lại chưa giải ngân sang năm sau.

Trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022 nhưng sau thời điểm đã hủy dự toán theo quy định, KBNN nơi giao dịch phục hồi kinh phí đã hủy bỏ tương ứng, lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách sang năm 2022 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

Lưu ý:

(1) Kinh phí chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung từ dự phòng ngân sách, tăng thu, tiết kiệm chi (không bao gồm nguồn kinh phí để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công);

(2) Đối với vốn ngoài nước áp dụng cơ chế tài chính trong nước, xử lý tương tự như vốn trong nước.

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2021:

- Về nội dung trang thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị sang năm 2022 cho đơn vị:

Đơn vị gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm 2022:

+ Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm;

+ Hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2021 và còn thời hạn thực hiện thanh toán để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2022 cho đơn vị.

Lưu ý:

(1) Trong quá trình thực hiện dự án mua sắm trang thiết bị có thể gồm nhiều thành phần (mua thiết bị, tư vấn giám sát, mua phần mềm, sửa chữa, lắp đặt chạy thử, chi phí quản lý dự án...) để thực hiện cùng dự án trong giai đoạn được phê duyệt, và có thể có những nội dung chi không có hợp đồng thì phải đảm bảo các nội dung này đều là phục vụ hợp đồng chính về mua sắm trang thiết bị, hợp đồng ký trước ngày 31/12/2021 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, thì được chuyển nguồn sang năm 2022.

(2) "Thời hạn thực hiện thanh toán" của hợp đồng mua sắm trang thiết bị theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3.1 mục II này là thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng mua sắm trang thiết bị đã ký.

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội.

Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bao gồm: (1) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ đầu năm 2021; (2) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước còn dư; (3) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bố trí dự toán ngân sách năm 2021 được theo dõi mã nguồn 14- Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương; (4) 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương năm 2021 so với dự toán năm 2021 dành để cải cách tiền lương theo quy định,.

Nguồn kinh phí chi trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công (theo quy định tại tiết c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016) được theo dõi mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

d) Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm cả kinh phí khoán chi quản lý tài chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi:

Nguồn kinh phí được giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ.

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm cả: số dư tại các đơn vị được giao, số dư tạm ứng ở cấp ngân sách theo chế độ quy định đã làm thủ tục xác nhận viện trợ, được chuyển nguồn sang năm 2022.

đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2021, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:

Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/09/2021, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9.

Lưu ý:

+ Dự toán ngân sách giao cho đơn vị được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9, đến hết ngày 31/01/2022 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết được chuyển sang năm 2022 và điều chỉnh sang mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán.

+ Khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách được thể hiện trong văn bản của Ủy ban nhân dân,CQTC đối với đơn vị thuộc ngân sách địa phương (không phải từ quyết định giao dự toán của Đơn vị dự toán cấp I).

e) Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện.

Đối với kinh phí chi cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10/02/2022: Văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

Khoản kinh phí này được theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học.

Lưu ý: Kinh phí nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được bố trí từ mã Loại 100-Khoa học và công nghệ theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN (các dự án triển khai phổ biến ứng dụng khoa học không thuộc quy định tại điểm này).

g) Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm 2022.

h) Các nhiệm vụ chi theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Việc chuyển nguồn theo quy định nêu trên tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP được áp dụng từ năm 2018.

i) Các nhiệm vụ chi thường xuyên trong dự toán đã được duyệt cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 được chuyển nguồn kinh phí theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (trên cơ sở đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt) theo quy định tại Điểm 3.2, Điểm 3.8 Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV.

Trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nguồn dự toán năm 2021 sang năm 2022 nhưng sau thời điểm đã hủy dự toán theo quyết định, KBNN nơi giao dịch phục hồi kinh phí đã hủy bỏ tương ứng, lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách sang năm 2022 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

** Một số lưu ý khác về chuyển nguồn ngân sách:*

- Trường hợp chuyển nguồn ngân sách cho nội dung chi mật thuộc nhiệm vụ chi an ninh, quốc phòng, các đơn vị an ninh, quốc phòng chịu trách nhiệm về danh mục, số kinh phí được chuyển nguồn sang năm sau.

3.2. Thủ tục chuyển nguồn sang năm sau

Thủ tục chuyển nguồn được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3.1, 4.2, 5.2, 7.2 mục I Hướng dẫn số 8652/LN:STC-KBHN ngày 28/12/2017 về việc

hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm, lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; trong đó lưu ý:

- Trước ngày 10/02/2022, đơn vị lập bảng đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch về số dư dự toán, số dư tạm ứng và số dư trên tài khoản tiền gửi ngân sách cấp KBNN tiếp tục kiểm soát chi theo quy định của Luật NSNN (nếu có), kèm theo các tài liệu liên quan để rà soát, đối chiếu chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định.

- KBNN nơi đơn vị giao dịch căn cứ nội dung dự toán giao, thời hạn được chi, điều kiện được chuyển nguồn để xác nhận, chuyển nguồn sang năm sau. KBNN các cấp tổng hợp, lập báo cáo chi tiết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT- BTC.

- Cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) tổng hợp toàn bộ các khoản được chuyển nguồn (bao gồm: số liệu chuyển nguồn do KBNN cùng cấp báo cáo và các khoản được chuyển nguồn tại Khoản g, Khoản h, Mục 3.1 của Công văn này) và có văn bản gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn từ năm 2021 sang thu chuyển nguồn năm 2022 theo quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

3.3. Báo cáo kết quả chuyển nguồn:

a) Để có cơ sở rà soát, đối chiếu và thuyết minh số liệu chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2021 sang năm 2022 phục vụ công tác tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2021, báo cáo UBND trình HĐND Thành phố; đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị thụ hưởng ngân sách cấp Thành phố thực hiện như sau:

- Đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Các đơn vị tổng hợp số liệu (chi tiết theo từng đơn vị cấp 4 và từng lĩnh vực chi), gửi Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước Hà Nội trước ngày 10/02/2021 để theo dõi, tổng hợp chung, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội, cụ thể:

+ Tổng hợp số liệu chuyển nguồn ngân sách vốn thường xuyên cấp Thành phố năm 2021 sang năm 2022 *(theo mẫu biểu số 01a đính kèm).*

+ Tổng hợp kinh phí sự nghiệp đã tạm ứng tại các đơn vị dự toán cấp thành phố năm 2021 và các năm trước không được chuyển nguồn sang năm 2022 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng chưa được thu hồi, trong đó lưu ý nêu rõ nguyên nhân, lý do chưa nộp trả và đề xuất phương án xử lý *(theo mẫu biểu số 02a đính kèm).*

- Đối với nguồn vốn chi đầu tư:

+ Các chủ đầu tư rà soát, đối chiếu các số dư với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch; báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước về việc kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán và chuyển nguồn ngân sách vốn đầu tư cấp Thành phố sang năm 2022 theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

+ Các chủ đầu tư tổng hợp báo cáo số liệu chuyển nguồn ngân sách vốn đầu tư cấp Thành phố năm 2021 sang năm 2022, gửi Kho bạc nhà nước Hà Nội và Sở Tài chính trước ngày 28/02/2022 để theo dõi, tổng hợp chung, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội *(theo mẫu biểu số 03a, 04a đính kèm).*

b) Kho bạc nhà nước Hà Nội tổng hợp, lập báo cáo chi tiết về số liệu chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2021 sang năm 2022 theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; gửi Sở Tài chính trước ngày 31/3/2022 (để đối chiếu số liệu, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2021 *(theo mẫu biểu số 01a, 02a, 03a, 04a đính kèm).*

4. Các nội dung khác về việc khóa sổ thanh toán và lập quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021:

- Đề nghị các đơn vị nghiên cứu, thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công văn 6565/KBNN-KTNN ngày 15/12/2021 của Kho bạc nhà nước về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2021 trên TABMIS và các văn bản hướng dẫn khác của KBNN Hà Nội.

- Bên cạnh đó, các đơn vị báo cáo số liệu theo các mẫu biểu tại Hướng dẫn tại số 8652/LN:STC-KBHN ngày 28/12/2017 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm, lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nội để nghiên cứu, thống nhất giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các Quận, Huyện, Thị xã;
- Kho bạc Nhà nước các Quận, Huyện, Thị xã.
- Website Sở Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Thiết

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 1a

BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP TẠI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên đơn vị / nội dung	Mã số ĐVQHNS	KBNN nơi giao dịch	Dự toán được giao năm 2021 và chuyển nguồn năm trước sang			Thực hiện năm 2021	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022						Số kinh phí đề nghị hủy bỏ, nộp trả	Thuyết minh lý do đề nghị chuyển nguồn
				Tổng số	Số chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán năm 2021		Tổng số	*Trong đó*						
									Số dư tài khoản tiền gửi	Số dư tạm ứng	Số dư dự toán	*Trong đó*			
												Số dư đã phân bổ (cho cấp 2, cấp 3)	Số dư chưa phân bổ		
	Tổng số														
1	**Sở……**														
a	**Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**														
*	**Đơn vị A**														
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương														
-	Kinh phí thực hiện tự chủ														
-	Kinh phí chi mua sắm trang thiết bị đã có thủ tục														
	+ Chi tiết theo danh mục mua sắm														
	+ ……														
-	Kinh phí được UBND Thành phố quyết định bổ sung sau ngày 30/9/2020														
	+ Chi tiết theo nội dung nhiệm vụ														
	+ ……														
-	Kinh phí nghiên cứu khoa học														
	+ Chi tiết theo đề tài, đề án														
	+ ……														
	Kinh phí công tác phòng, chống dịch Covid-19														
*	**Đơn vị B**														
	……														
b	**Chi ……**														
	……														
	……														
	……														

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 2a

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÃ TẠM ỨNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP THÀNH PHỐ KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN NHƯNG CHƯA ĐƯỢC THU HỒI

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Stt	Tên đơn vị / nội dung	Mã số ĐVQHNS	KBNN nơi giao dịch	Số dư tạm ứng phải nộp trả ngân sách			Số đã nộp trả	Số chưa nộp trả			Thuyết minh lý do chưa nộp trả	Đề xuất xử lý
				Tổng số	Số từ năm trước chuyển sang	Số phát sinh mới năm 2021		Tổng số	Số từ năm trước chuyển sang	Số phát sinh mới năm 2021		
	Tổng số											
1	**Sở……**											
a	**Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**											
*	**Đơn vị A**											
-	Chi nghiệp vụ											
	+ Chi tiết theo nội dung nghiệp vụ											
	+ ……											
-	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ											
	+ Chi tiết theo danh mục											
	+ ……											
-	Chi sửa chữa, cải tạo CXC											
	+ Chi tiết theo danh mục											
	+ ……											
-	Chi khảo sát, quy hoạch											
	+ Chi tiết theo danh mục											
	+ ……											
-	Chi nghiên cứu khoa học											
	+ Chi tiết theo đề tài, đề án											
	+ ……											
*	**Đơn vị B**											
	……											
b	**Chi sự nghiệp……**											
	……											
	……											
	……											

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 3a

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2020 KÉO DÀI, CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2021 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên đơn vị / nội dung *(Chi tiết theo từng lĩnh vực)*	Chủ đầu tư	Kế hoạch được kéo dài từ năm 2020 sang năm 2021 và tạm ứng chưa thu hồi chuyển nguồn sang năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022			Kinh phí hủy bỏ	Ghi chú
					Tổng số	*Trong đó*			
						Số dư tạm ứng chuyển nguồn để thu hồi	Số dư dự toán chuyển nguồn theo quyết định của cấp có thẩm quyền		
	Tổng số								
I	**Chi quốc phòng**								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
	……								
II	**Chi…**								
	……								

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 4a

BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ KẾ HOẠCH GIAO NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên đơn vị / nội dung *(Chi tiết theo từng lĩnh vực)*	Kế hoạch được giao năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022			Kinh phí hủy bỏ	Ghi chú
				Tổng số	*Trong đó*			
					Số dư tạm ứng	Số dư dự toán		
	Tổng số							
1	Dư dự toán, tạm ứng các dự án XDCB NSTW hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu							(Chi tiết theo PL 4.1 đính kèm)
2	Dư dự toán, tạm ứng các dự án nguồn XDCB tập trung và Chương trình mục tiêu giải ngân qua kho bạc							(Chi tiết theo PL 4.2 đính kèm)
3	Dư tạm ứng các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố							(Chi tiết theo PL 4.3 đính kèm)
4	Chi tạm ứng XDCB đối trừ tiền sử dụng đất các dự án							(Chi tiết theo PL 4.4 đính kèm)
5	Chi tạm ứng XDCB từ nguồn vốn vay (vốn viện trợ) của NSTW							(Chi tiết theo PL 4.5 đính kèm)

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 4.1

DƯ DỰ TOÁN, TẠM ỨNG NGUỒN XDCB NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ, BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án *(Chi tiết theo từng lĩnh vực)*	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022					Số kinh phí đề nghị hủy bỏ, nộp trả	Ghi chú
					Tổng số	Số dư tạm ứng	Số dư dự toán	*Trong đó*			
								Số dư dự toán vốn NSTW hỗ trợ chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Số dư dự toán vốn NSTW hỗ trợ còn nhiệm vụ chi chuyển nguồn sang năm sau chờ xử lý của cấp có thẩm quyền		
a	*b*	*c*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	Tổng cộng										
I	Chi quốc phòng										
1	Dự án A										
2	Dự án B										
	.....										
II	Chi...										
	.....										

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 4.2

DƯ DỰ TOÁN, TẠM ỨNG CÁC DỰ ÁN NGUỒN XDCB TẬP TRUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC HÀ NỘI

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án *(Chi tiết theo từng lĩnh vực)*	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022			Số kinh phí đề nghị hủy bỏ	Ghi chú
					Tổng số	Số tạm ứng	Số dư dự toán		
a	*b*	*c*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	Tổng số								
I	**Chi quốc phòng**								
1	Dự án X								
2	Dự án Y								
	.....								
II	**Chi...**								
	.....								

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục 4.3

DƯ TẠM ỨNG CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án *(Chi tiết theo từng lĩnh vực)*	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số tạm ứng theo chế độ đề nghị chuyển nguồn sang năm 2022	Số kinh phí đề nghị hoàn trả	Ghi chú
a	*b*	*c*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
	Tổng số						
I	**Chi quốc phòng**						
1	Dự án X						
2	Dự án Y						
	……						
II	**Chi...**						
	……						

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục số 4.4

CHI TẠM ỨNG XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỐI TRỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	
1	Dự án X	
2	Dự án Y	
	.....	

TÊN ĐƠN VỊ

Phụ lục số 4.5

GHI CHI TẠM ỨNG TỪ NGUỒN VỐN VAY (VỐN VIỆN TRỢ) CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 8232/STC-QLNS ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	
1	Dự án X	
2	Dự án Y	
	.....	